

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2019
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Vũ Thị An
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - 1, Bà Hoàng Thị Tố Quyên
 - 2, Bà Lê Thị Thanh Mai
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi – Thư ký TAND huyện Đồng Hỷ
- **Đại diện VKSND huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa:** Bà Ma Thị Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn: Chị Triệu Thị N** (tên gọi khác: Triệu Thị P) - sinh năm 1986 (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt)
- **Bị đơn: Anh Triệu Tiến P** – sinh năm 1981 (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Các đương sự đều trú tại: Xóm MS, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15/10/2018 và bản tự khai ngày 15/01/2019, nguyên đơn chị Triệu Thị N (tức P) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Triệu Tiến P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN năm 2004. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn vì lý do anh P hay đi đánh bạc, rượu chè và nhiều lần đánh đuổi chị, lần gần nhất anh đánh đuổi chị vào tháng 9 năm 2018, từ thời điểm đó đến nay, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa. Chị xác định tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 22/5/2019, chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Triệu Văn A, sinh ngày 17/01/2005. Hiện nay con đang ở với bố. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị thể hiện quan điểm nếu anh P có mặt tại Tòa án khi xét xử hoặc có đơn gửi đến Tòa án xin được nuôi con thì chị cũng nhất trí nhường quyền nuôi con cho anh P.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có

Bị đơn anh Triệu Tiến P vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh P thông qua người thân và xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh P, chị N. Tại biên bản xác minh của Tòa án, đại diện thân nhân của anh P là anh Triệu Tiến H, anh trai của anh P cho biết: Vợ chồng anh P, chị N đã chung sống hạnh phúc trong những năm đầu, cách đây vài năm thì xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau, không rõ vì nguyên nhân gì. Đến khoảng giữa năm 2018, anh P bỏ đi làm ăn xa, chị N về nhà ngoại sinh sống, từ đó vợ chồng không quay về chung sống với nhau nữa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 06/6/2019, anh P trình bày: Anh nhất trí ly hôn với chị N vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, vợ chồng ly thân đã lâu. Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có một con chung là Triệu Văn A, sinh ngày 17/01/2005. Anh xin được nuôi con vì hiện nay anh đã về nhà, có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tạm thời anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con vì chị N hiện đi làm xa, ít khi có mặt ở nhà. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, anh xác định không có.

Tại đơn đề nghị của cháu Triệu Văn A ghi ngày 15/01/2019 và đơn ghi ngày 04/6/2019, cháu A đều thể hiện nguyện vọng được ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên được coi là bị đơn đã chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 35, 39, 147, 174, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị N, cho chị N được ly hôn anh P. Về con chung: giao con chung Triệu Văn A cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị N vì anh P không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại xóm MS, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Triệu Thị N và bị đơn anh Triệu Tiến P.

[2.] Về nội dung: Chị Triệu Thị N và anh Triệu Tiến P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ biên bản xác minh của Tòa án đối với thân nhân của bị đơn và căn cứ lời trình bày của bị đơn tại đơn xin xét xử vắng mặt, có cơ sở xác định: Tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N, anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn, phía chị N cho rằng anh P không tu chí làm ăn, hay chơi cờ bạc, rượu chè và có hành vi đui đánh chị, phía anh P thừa nhận có mâu thuẫn nhưng không nêu lý do. Gia đình anh P cũng không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn của chị N và anh P. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Trong trường hợp này, giữa chị N và anh P không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu nhau và chung sống với nhau nữa, việc ly thân xuất phát từ mâu thuẫn căng thẳng. Do vậy, vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ cho chị N được ly hôn anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng chị N, anh P có 01 con chung là Triệu Văn A, sinh ngày 17/01/2005, hiện nay con chung đang ở với anh P. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị nhất trí nhường quyền nuôi con cho anh P nếu anh P có ý kiến muốn được nuôi con. Phía anh P có đơn xin xét xử vắng mặt và

xin được nuôi con nên có căn cứ giao con cho anh P nuôi dưỡng, điều này cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của con chung là cháu Triệu Văn A. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh P không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị N. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có.

Án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị N đối với anh Triệu Tiến P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị N (tức Triệu Thị P) được ly hôn anh Triệu Tiến P.

2. Về con chung: Giao con chung là Triệu Văn A, sinh ngày 17/01/2005 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị N do anh P không yêu cầu. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có.

Án phí: Chị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 08/01/2019 theo Biên lai số 0016200 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi Cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Hợp Tiến
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Vũ Thị An